

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 168/2020/HS-ST
Ngày 29 tháng 10 năm 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đinh Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trịnh Văn Nhất
2. Bà Nguyễn Thị Lan

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Mỹ Hạnh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa: Ông Hoàng Văn Đĩnh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 29 tháng 10 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 166/2020/HSST ngày 07 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 173/2020/QĐXXST-HS ngày 16 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: **Hoàng Văn D**, sinh năm 2000; Tên gọi khác: Không; Tại: Bắc Giang. Giới tính: Nam. Nơi ĐKKHKT: xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Chỗ ở: thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Văn hóa: 5/12. Con ông: Hoàng Văn Ph, sinh năm 1960 và bà: Nguyễn Thị T, sinh năm 1965. Gia đình bị cáo có 02 chị em, bị cáo là con thứ hai. Vợ, con: Chưa có

Tiền án: Tại Bản án số 01/2019/HSST ngày 22/01/2019, Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Chấp hành xong tiền án phí HSST và DSST ngày 25/4/2019

Tiền sự: Không.

Nhân thân:

- Tại Quyết định số 136/QĐ – XPHC ngày 08/11/2016, Công an huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”.

- Tại Quyết định số 85/QĐ – XPHC ngày 25/7/2017, Công an huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang

(Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: **Nguyễn Văn C**, sinh năm 2001; Tên gọi khác: Không; Tại: Bắc Giang. Giới tính: Nam. Nơi ĐKKHKT và chỗ ở: thôn M, thị trấn Ph, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Quốc tịch: Việt Nam. Dân tộc: Kinh. Tôn giáo: Không. Nghề nghiệp: Lao động tự do. Văn hóa: 7/12. Con ông: Nguyễn Văn H, sinh năm 1974 và bà: Trần Thị L, sinh năm 1978. Bị cáo là con duy nhất trong gia đình. Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/5/2020 đến nay, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang

(Có mặt tại phiên tòa)

- Bị hại:

1. Anh Phan Quốc H, sinh năm 2003 (Vắng mặt)

Đại diện hợp pháp cho anh Phan Quốc H: Bà Ngô Thị H, sinh năm 1954 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Số nhà 08, ngách 10, ngõ 92, đường B, tổ dân phố M, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang

2. Anh Lê Trung H, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Dương Viết Th, sinh năm 2003 (Vắng mặt)

Đại diện hợp pháp cho anh Dương Viết Th: Ông Dương Đỗ T, sinh năm 1981 và bà Hoàng Thị H, sinh năm 1978 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: tổ dân phố Th, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Gia Lan H, sinh năm 1994 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Ch, thị trấn Ph, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

3. Anh Vũ Văn D, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn X, xã D, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên

4. Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1970 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Th, thị trấn Ph, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

5. Anh Đoàn Văn Việt, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang

6. Anh Hoàng Khương D, sinh năm 1986 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn C, thị trấn Ph, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

7. Anh Vũ Văn H, sinh năm 1976 (Vắng mặt)

8. Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: thôn H, xã T, huyện Y, tỉnh Bắc Giang

9. Anh Trịnh Xuân T, sinh năm 1988 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang

10. Anh Đỗ Ngọc A, sinh năm 1996 (Vắng mặt)

Địa chỉ: thôn Q, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang

- **Người làm chứng:** Chị Nguyễn Thị M, sinh năm 1990 (Có mặt)

Địa chỉ: thôn T, xã X, huyện L, tỉnh Bắc Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Văn D, sinh năm 2000 ở thôn L, xã Đ, huyện Y, tỉnh Bắc Giang và Nguyễn Văn C, sinh năm 2001 ở thôn M, thị trấn Ph, huyện Y, tỉnh Bắc Giang có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội. Khoảng 19 giờ ngày 11/4/2020, D và C đang ở nhà D thì C giục D lo tiền để chuộc lại chiếc xe mô tô của C mà trước đó D và C đã cầm cố. D nói với C “anh đã hỏi xin tiền mẹ nhưng không có, bây giờ chỉ có ra đường trộm” ý là ra đường cướp tài sản của người khác, C nói “giỏi thì đi mà trộm”, D nói tiếp “em cứ đi cùng anh”, C đồng ý. D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus, không đeo biển kiểm soát chở C về nhà để C mặc thêm áo và lấy hung khí. Đến nhà C, D đỗ xe ở ngoài cổng, C đi vào nhà mặc thêm áo khoác và cầm theo 01 con dao tự chế bằng kim loại, chuôi dao bằng gỗ hình trụ, lưỡi dao cong nhọn, trên lưỡi dao có 3 lỗ tròn. Sau đó D điều khiển xe mô tô chở C đi từ thị trấn Ph, huyện Y đi theo đường quốc lộ 17, đường cao tốc Hà Nội – Bắc Giang đến khu vực Khu công nghệ Đình Trám, huyện V, tỉnh Bắc Giang để thực hiện hành vi cướp tài sản của người tham gia giao Th trên những đoạn đường vắng người. Do những tuyến đường mà D và C đi qua có nhiều người và phương tiện đi lại nên D và C chưa thực hiện được hành vi cướp tài sản. Tiếp đến, D điều khiển xe chở C từ ngã ba Đ, huyện V đi theo đường tỉnh 295B hướng về thị trấn V, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Khi đi qua khu vực đền X, phường X, thành phố B khoảng mấy trăm mét thì thấy anh Phan Quốc H, sinh năm 2003 ở tổ dân phố M, phường Đ đang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, biển kiểm soát 29AA – 631.94 chở anh Dương Viết Th, sinh năm 2003 ở tổ dân phố Thanh Mai, phường Đ, thành phố B, tỉnh Bắc Giang đi ngược chiều. Thấy đường vắng người, hai bên đường không có nhà dân nên D điều khiển xe chở C quay lại đuổi theo, áp sát xe của anh H. Khi hai xe đi song song với nhau thì C để con dao ở trước ngực và nói về phía anh H và anh Th là “dừng lại không tao chém”. Thấy C nói vậy, D liền tăng tốc độ xe vượt lên chặn đầu xe buộc anh H phải đỗ xe vào lề đường. D xuống xe tiến đến chỗ anh H và anh Th thì anh H rút chìa khóa xe cầm ở tay, D dùng tay phải nắm một cái vào vùng mắt trái anh Th. Lúc này do có một chiếc xe ô tô đi qua, sợ bị phát hiện nên D và C yêu cầu anh H và anh Th dắt xe sang bên đường đối diện. Anh H và anh Th sợ hãi, không có phản kháng gì và làm theo yêu cầu của D và C. Khi anh H và anh Th đang dắt xe sang bên đường thì D nói với C là “nó cầm chìa khóa làm thế nào lấy được xe?”, C đáp “giả vờ hỏi mượn xe đi để bóc đầu rồi lấy xe”. Sang bên đường đối diện, D hỏi anh H “có biết bóc đầu

không?”, anh H trả lời là không biết thì D nói “không biết bốc đầu thì để lại cánh tay”. D bảo anh H đưa chìa khóa xe thì anh H sợ đưa chìa khóa xe cho D. Ngay sau đó, D ngồi lên xe của anh H, nổ máy rồi giả vờ bốc đầu xe. Sau hai lần bốc đầu xe nhưng không được, D điều khiển xe đi chậm qua gần chỗ anh H và anh Th đứng và nói “xe máy đầu nặng và lệch” rồi phóng xe đi về hướng ngã ba Q, phường X, thành phố B. Thấy vậy, C cũng điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus, không gắn biển kiểm soát đi theo D, rồi cả hai điều khiển xe đi theo đường G, đường L, đường quốc lộ 1A qua địa phận huyện L rồi mang chiếc xe cướp được về nhà D cất giấu.

Sáng ngày 12/4/2020, D tháo chiếc biển kiểm soát xe mô tô 29AA – 631.94 chiếm đoạt của anh H ra để ở phòng của mình rồi giao xe cho anh C sử dụng. C sử dụng được khoảng 10 ngày thì nhờ anh Gia Lan H, sinh năm 1994 (là người quen của C) ở thôn Ch, thị trấn Ph, huyện Y, tỉnh Bắc Giang giới thiệu bán hộ chiếc xe. Anh H giới thiệu anh Vũ Văn D, sinh năm 1988 (là người quen của H) ở thôn X, xã D, huyện Ph, tỉnh Thái Nguyên đến gặp C để mua xe, C thỏa thuận bán chiếc xe cho anh D với giá 1.500.000 đồng và C đã chi tiêu cá nhân hết số tiền này. Ngày 05/5/2020, anh D điều khiển xe mô tô trên đến thị trấn Ph, huyện Y thì gặp ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1970 ở thôn Th, thị trấn Ph, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. Ông Kh thấy D có ý định bán chiếc xe trên nên đã hỏi mua hộ chiếc xe cho cháu là anh Đoàn Văn V, sinh năm 1990 ở thôn Đ, xã T, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Anh D đồng ý bán chiếc xe cho ông Kh với giá 3.000.000 đồng. Ông Kh gọi điện thoại bảo anh V đến xem xe, anh V đến và đưa cho ông Kh 3.000.000 đồng để mua xe. Ông Kh đưa cho anh D 3.000.000 đồng, anh D cho ông Kh 200.000 đồng rồi ông Kh mang xe về giao cho anh V. Trong quá trình sử dụng, do không thích vì xe có phân khối nhỏ nên anh V đã bán lại chiếc xe trên cho anh Hoàng Khương D, sinh năm 1986 ở thôn Ch, thị trấn Ph, huyện Y, tỉnh Bắc Giang với giá 3.000.000 đồng. Do xe không có biển kiểm soát nên anh D lắp chiếc biển kiểm soát 98B2 – 732.75 để sử dụng.

Ngày 10/5/2020, anh Phan Quốc H có đơn trình báo Công an thành phố B.

Ngày 13/5/2020, Hoàng Văn D và Nguyễn Văn C đến Công an thành phố B đầu thú; D tự nguyện giao nộp 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ đen có số IMEI 1 là 359155107416389, số IMEI 2 là 359155107416397, gắn sim số 0964.1473596 và 0867.580.176.

Cơ quan điều tra khám xét khẩn cấp nơi ở của Hoàng Văn D tạm giữ 01 chiếc biển kiểm soát 29AA – 631.94 để trong tủ kính trong phòng ngủ của D; khám xét khẩn cấp nơi ở của C nhưng không thu giữ gì. Đối với con dao sử dụng đi cướp tài sản, D và C khai đã bị Công an thị trấn Ph, huyện Yên Thế tạm giữ trong vụ việc một số đối tượng tụ tập có biểu hiện gây rối an ninh trật tự vào ngày 12/5/2020. Công an thị trấn Ph, huyện Y, tỉnh Bắc Giang đã bàn giao cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Bắc Giang con dao tự chế bằng kim loại dài 64cm, chuôi dao bằng gỗ hình trụ tròn có đường kính 3cm, dài 22cm được quấn băng dính màu đen, lưỡi dao cong nhọn dài 42cm, trên lưỡi dao có 3 lỗ tròn, bản rộng nhất lưỡi dao là 4,7cm, phần lưỡi dao có vỏ bọc bằng bìa cát tông được quấn băng dính màu đen.

Ngày 14/5/2020, Cơ quan điều tra đã tạm giữ của anh Hoàng Khương D 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, màu sơn trắng bạc, có số khung là 454286, số máy là 454286, xe gắn biển kiểm soát 98B2 – 432.75. Tạm giữ của anh Trịnh Xuân T, sinh năm 1998 ở thôn Liên Cao, xã Đại Hóa, huyện T, tỉnh Bắc Giang 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus, sơn màu đen, số khung là RLCS16S20AY124066, số máy 16S2 – 124068, không gắn biển kiểm soát (anh Tú mượn chiếc xe mô tô này của Hoàng Văn D).

Tại Kết luận định giá tài sản số 267/KL – HĐĐG ngày 13/5/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thành phố B kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, màu sơn trắng bạc, biển kiểm soát 29AA – 631.94, xe cũ đã qua sử dụng, có trị giá 9.000.000 đồng.

Ngày 25/7/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, màu sơn trắng bạc, có số khung là 454286, số máy 454286 và 01 chiếc biển kiểm soát 29AA – 631.94 cho anh Phan Quốc H. Đến nay anh H không có yêu cầu đề nghị gì. Đối với chiếc biển kiểm soát 98B2 - 432.75, Cơ quan điều tra đã tách khỏi vụ án để điều tra xử lý sau.

Đối với anh Dương Viết Th bị D dùng tay đâm vào mặt không để lại thương tích gì. Đến nay anh Th không yêu cầu bồi thường dân sự.

Đối với anh Gia Lan H, ông Nguyễn Văn Kh là những người giới thiệu mua bán xe; anh Vũ Văn Đàn, anh Đoàn Văn Việt, anh Hoàng Khương D là những người mua chiếc xe mô tô 29AA – 631.94 nhưng đều không biết đó là xe do D và C phạm tội mà có nên hành vi của những người kể trên không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đến nay anh Dân, anh Việt và anh Duy không có yêu cầu đề nghị gì về dân sự.

Tại Cơ quan điều tra, ngoài hành vi cướp tài sản trên địa bàn thành phố B ngày 11/4/2020 nêu trên, Hoàng Văn D và Nguyễn Văn C còn khai nhận thực hiện hành vi cướp tài sản trên địa bàn huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang ngày 12/4/2020, cụ thể như sau:

Ngày 12/4/2020, sau khi ăn cơm tối tại nhà D, C và D rủ nhau đi cướp tài sản để lấy tiền chuộc chiếc xe mô tô của C mà trước đó D và C cầm cố tại nhà nghỉ Hương Quê, xã Tam H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang. D điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus, không gắn biển kiểm soát chở C ngồi sau xe mang theo con dao mà tối ngày 11/4/2020 đã dùng để cướp tài sản của anh H. D và C đi sang thị trấn Vôi, huyện L rồi đi theo đường tỉnh lộ 295 hướng về huyện Lục Nam, tỉnh Bắc Giang. Khi đi đến khu vực vượt đường tỉnh 295 thuộc địa phận thôn Trại Mới, xã Tân Hưng, huyện Lạng Giang, D và C đỗ xe trên đỉnh cầu và ngồi đợi. Khoảng 21 giờ cùng ngày, D và C thấy anh Lê Trung H, sinh năm 1990 ở thôn Cây, xã Hương Sơn, huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, không gắn biển kiểm soát đi sau xe mô tô do chị Nguyễn Thị Mơ, sinh năm 1990 ở thôn Tr, xã X, huyện L điều khiển theo hướng Lục Nam – thị trấn Vôi, để đưa cho M về nhà. Khi anh H đưa chị M đến đỉnh cầu, gần chỗ D và C đứng thì chị M dừng xe, ra hiệu cho anh H là để chị M tự đi về. Anh H điều khiển xe vượt qua chỗ chị M đỗ xe khoảng

5m, đợi chị M đi đến để nói chuyện. Quan sát thấy đường vắng người, D điều khiển xe chở C đến chặn đầu xe của anh H và nói “anh vừa nói cái gì”. Anh H không nói gì và gạt chân trống xe xuống đường thì ngay lập tức D bảo C đưa dao cho D, D cầm dao chém về phía vai của anh H nhưng không trúng. Anh H hoảng sợ bỏ lại xe, chạy bộ về hướng thị trấn V, huyện L; D và C đuổi theo anh Hiếu khoảng 20 m rồi quay lại chỗ anh H để lại xe. Sau đó C điều khiển xe nhãn hiệu Yamaha Taurus còn D điều khiển xe chiếm đoạt được của anh H mang về nhà D cất giấu. Sáng ngày 13/4/2020, D và C mang chiếc xe chiếm đoạt của anh H đến nhà nghỉ Hương Quê ở thôn H, xã Tân H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang do vợ chồng anh Vũ Văn H, sinh năm 1976 và chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1980 làm chủ. Tại đây, D đặt vấn đề vay của vợ chồng anh H số tiền 5.000.000 đồng và để lại chiếc xe mô tô để làm tin, vợ chồng anh H đồng ý. Khi giao dịch, D và vợ chồng anh H có làm “Giấy biên nhận vay tiền”, D ký nhận vào bên người vay. D đưa thêm cho vợ chồng anh H số tiền 1.800.000 đồng để chuộc lại chiếc xe mô tô của C mà trước đó D và C cầm cố cho vợ chồng anh H. Sau đó C điều khiển xe mô tô của C chở D đi về nhà.

Sau khi bị chiếm đoạt chiếc xe mô tô, anh Lê Trung H có đơn trình báo Công an huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang.

Ngày 13/5/2020, Cơ quan điều tra Công an thành phố B tạm giữ của anh Vũ Văn H, sinh năm 1976 ở thôn H, xã Tân H, huyện Y, tỉnh Bắc Giang 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, không gắn biển kiểm soát, có số khung là RLHJA3916LY079887, số máy là JA39E – 1416225 và 01 “Giấy biên nhận vay tiền” đề ngày 13/4/2020, người vay ký tên Hoàng Văn D.

Tại Kết luận định giá tài sản số 63/KL – HĐĐG ngày 15/5/2020, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện L kết luận: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu sơn xanh đen bạc, không gắn biển kiểm soát, có trị giá 16.500.000 đồng.

Ngày 26/7/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, không gắn biển kiểm soát, có số khung là RLHJA3916LY079887, số máy là JA39E – 14166225 cho anh Lê Trung H. Đến nay anh Hiếu không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Đối với anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô mà D và C chiếm đoạt của anh Lê Trung H vào ngày 12/4/2020. Qua điều tra xác định anh H và chị H không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do D và C phạm tội mà có nên hành vi của anh H và chị H không cấu thành tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”. Đến nay anh Vũ Văn H yêu cầu bị cáo Hoàng Văn D phải hoàn trả cho vợ chồng anh số tiền 5.000.000 đồng.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YamahaTaurus, không gắn biển kiểm soát mà D và C sử dụng làm phương tiện đi cướp tài sản vào ngày 11/4/2020 và 12/4/2020, quá trình điều tra xác định được của anh Đỗ Ngọc A, sinh năm 1996, trú tại: thôn Q, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang cho D mượn làm phương tiện sử dụng hàng ngày từ tháng 3/2020. Anh A không biết việc D sử dụng chiếc xe mô

tô trên sau đó đi cướp tài sản. Về nguồn gốc chiếc xe anh A khai mua lại xe cũ từ năm 2011, khi mua xe có giấy tờ nhưng chưa được đăng ký. Do anh A làm thất lạc giấy tờ nên không đi làm thủ tục đăng ký xe, hiện không nhớ tên tuổi địa chỉ của người bán hiện tại chiếc xe mô tô đã cũ nát và không còn giấy tờ nên anh A không có yêu cầu đề nghị được nhận lại chiếc xe.

Vật chứng còn lại của vụ án đã được nhập kho vật chứng để xử lý theo quy định.

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Hoàng Văn D và Nguyễn Văn C đã khai nhận hành vi phạm tội.

Tại Bản cáo trạng số 170/CT-VKS ngày 06 tháng 10 năm 2020, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố các bị cáo Hoàng Văn D và Nguyễn Văn C về tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Hoàng Văn D và Nguyễn Văn C khai nhận nội dung diễn biến sự việc như bản Cáo trạng nêu là đúng, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo là đúng tội, không oan sai. Bị cáo D, bị cáo C nhận thức hành vi của mình là sai, vi phạm pháp luật, đề nghị Hội đồng xét xử cho hưởng mức hình phạt nhẹ nhất.

Bị hại anh Lê Trung H khai: Ngày 26/7/2020 anh đã được Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu xanh đen bạc, không gắn biển kiểm soát, có số khung là RLHJA3916LY079887, số máy là JA39E – 14166225. Đến nay anh không có yêu cầu bồi thường gì về dân sự.

Người làm chứng chị Nguyễn Thị M khai: Chị chứng kiến bị cáo D và bị cáo C dùng dao chém về phía vai của anh H nhưng không trúng làm cho anh H hoảng sợ bỏ chạy và bỏ lại xe rồi sau đó bị cáo quay lại chỗ anh H để lại xe để chiếm đoạt xe của anh H.

Hội đồng xét xử công bố lời khai của những người tham gia tố tụng được triệu tập nhưng vắng mặt tại phiên tòa và các tài liệu khác có trong hồ sơ. Bị cáo D, bị cáo C nhất trí và không có ý kiến gì.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Giang sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của bị cáo, giữ nguyên quan điểm truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

1. Tuyên bố các bị cáo Hoàng Văn D và Nguyễn Văn C phạm tội “*Cướp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo Hoàng Văn D từ 9 năm đến 9 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 13/5/2020, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 17, Điều 58, Điều 38 của Bộ luật Hình sự

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn C từ 8 năm đến 8 năm 6 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam 13/5/2020, tiếp tục tạm giam bị cáo để đảm bảo thi hành án.

3. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Hoàng Văn D phải trả cho anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 5.000.000 đồng.

4. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao tự chế, chiều dài 64cm, dài 22cm được quấn băng dính màu đen, lưỡi dao cong nhọn dài 42cm, trên lưỡi dao có 3 lỗ tròn, bản rộng nhất lưỡi dao là 4,7cm, phần lưỡi dao có vỏ bọc bằng bìa cát tông được quấn băng dính màu đen.

Tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu đen, số khung RLCS16S20AY124066, số máy 16S2 – 124068 không có vỏ yếm mặt nạ xe, không gắn biển kiểm soát đã qua sử dụng.

Trả lại bị cáo Hoàng Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ đen có số IMEI 1 là 359155107416389, số IMEI 2 là 359155107416397, gắn sim số 0964.1473596 và 0867.580.176 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

5. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo Hoàng Văn D và Nguyễn Văn C.

6. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Điều 23 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật. Bị cáo D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Bị cáo D, bị cáo C không có tranh luận gì với bản luận tội của Viện kiểm sát, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B, Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và người làm chứng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố

tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Căn cứ vào Biên bản tiếp nhận người phạm tội tự ra đầu thú được lập vào hồi 14 giờ 30 phút ngày 13/5/2020, lời khai nhận tội của bị cáo, lời khai của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người làm chứng và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Trong hai ngày 11/4/2020 và ngày 12/4/2020, bị cáo Hoàng Văn D và bị cáo Nguyễn Văn C đã cùng nhau thực hiện 02 vụ cướp tài sản trên địa bàn thành phố B và huyện Lạng Giang, tỉnh Bắc Giang, cụ thể là:

- Ngày 11/4/2020, tại đoạn đường X thuộc tổ dân phố Th, phường X, thành phố B, tỉnh Bắc Giang, Hoàng Văn D và Nguyễn Văn C đã có hành vi dùng 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 64cm, chuôi dao bằng gỗ hình trụ có đường kính 3 cm, dài 22 cm, lưỡi dao cong nhọn dài 42cm, trên lưỡi dao có 03 lỗ tròn, bản rộng nhất lưỡi dao là 4,7 cm cướp tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu ESPERO, biển kiểm soát 29AA – 631.94 trị giá 9.000.000 đồng của anh Phan Quốc H, sinh năm 2003 ở tổ dân phố Mai Đình, phường D, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Ngày 12/4/2020, tại đoạn đường tỉnh 295 thuộc địa phận thôn Tr, xã T, huyện L, tỉnh Bắc Giang, Hoàng Văn D cùng Nguyễn Văn C cùng có hành vi dùng 01 con dao tự chế bằng kim loại dài 64cm, chuôi dao bằng gỗ hình trụ có đường kính 3 cm, dài 22 cm, lưỡi dao cong nhọn dài 42cm, trên lưỡi dao có 03 lỗ tròn, bản rộng nhất lưỡi dao là 4,7 cm cướp tài sản là chiếc xe mô tô nhãn hiệu Wave, không gắn biển kiểm soát trị giá 16.500.000 đồng của anh Lê Trung H, sinh năm 1990 ở thôn C, xã H, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Tổng trị giá tài sản mà bị cáo D và bị cáo C chiếm đoạt là 25.500.000 đồng.

Hành vi của các bị cáo Hoàng Văn D và Nguyễn Văn C đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Cướp tài sản*” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự. Do vậy, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B truy tố các bị cáo theo tội danh và Điều khoản trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tính chất hành vi phạm tội: Hành vi của bị cáo Hoàng Văn D và bị cáo Nguyễn Văn C là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an xã hội, gây tâm lý hoang mang trong nhân dân, xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật hình sự bảo vệ. Do vậy cần phải xử nghiêm các bị cáo bằng pháp luật hình sự mới đảm bảo tính giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[4] Về vị trí, vai trò của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy: Bị cáo D có vai trò chính là người khởi xướng cũng là người chuẩn bị phương tiện, là người điều khiển xe mô tô trực tiếp đèo bị cáo C đi và có hành vi liêu lĩnh táo bạo dùng dao chém bị hại để thực hiện hành vi cướp tài sản. Bị cáo C chuẩn bị dao và đồng tình với bị cáo D thực hiện hành vi cướp tài sản đến cùng với vai trò là đồng phạm. Vai trò phạm tội của bị cáo D là tích cực hơn so với bị cáo C, do đó, khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét xử phạt bị cáo D nghiêm khắc hơn bị cáo C.

[5] Xét về nhân thân: Bị cáo C có nhân thân tốt. Bị cáo D đã có 01 tiền án tại bản án số 01/HSST/2019 ngày 22/01/2019 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Ngoài ra bị cáo D nhiều lần bị xử phạt hành chính; Quyết định số 136/QĐ – XPHC ngày 08/11/20216, Công an huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Trộm cắp tài sản”; Quyết định số 85/QĐ – XPHC ngày 25/7/2017, Công an huyện Y, tỉnh Bắc Giang xử phạt vi phạm hành chính về hành vi “Gây rối trật tự công cộng”.

[6] Xét về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo có thái độ khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải về hành vi phạm tội; sau khi phạm tội bị cáo D, bị cáo C ra đầu thú về hành vi phạm tội của mình. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự khi xem xét, quyết định hình phạt đối với các bị cáo.

[7] Xét về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Trong vụ án này bị cáo C và bị cáo D đều phạm tội 02 lần trở lên. Đối với bị cáo D đã bị xét xử hình sự tại bản án số 01/2019/HSST ngày 22/01/2019, Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 01 năm 02 tháng tù; chấp hành xong tiền án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm ngày 25/4/2019 của bản án này; đến ngày 11/4/2020 bị cáo D lại phạm tội nên bị cáo Hoàng Văn D bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g, h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự; bị cáo Nguyễn Văn C bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[8] Về trách nhiệm dân sự:

[8.1] Anh Phan Quốc H, anh Lê Trung H anh Dương Viết Th, anh Vũ Văn D, anh Đoàn Văn Việt, anh Hoàng Khương D không yêu cầu bồi thường dân sự, nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

[8.2] Anh Vũ Văn H yêu cầu bị cáo Hoàng Văn D phải trả cho vợ chồng anh H số tiền 5.000.000 đồng. Do vậy buộc bị cáo D phải trả cho vợ chồng anh Vũ Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 5.000.000 đồng.

[9] Đối với anh Gia Lan H, ông Nguyễn Văn Kh là những người giới thiệu mua bán xe; anh Vũ Văn D, anh Đoàn Văn V, anh Hoàng Khương D là những người mua chiếc xe mô tô 29AA – 631.94 nhưng đều không biết đó là xe do D và C phạm tội mà có nên hành vi của những người kể trên không cấu thành tội “Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[10] Đối với anh Vũ Văn H và chị Nguyễn Thị Thu H là người nhận cầm cố chiếc xe mô tô mà D và C chiếm đoạt của anh Lê Trung H vào ngày 12/4/2020. Qua điều tra xác định anh H và chị H không biết chiếc xe mô tô trên là tài sản do D và C phạm tội mà có nên hành vi của anh H và chị H không cấu thành tội “Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có”.

[11] Về mức hình phạt đối với các bị cáo: Tại phiên tòa hôm nay Hội đồng xét xử nhận định bị cáo Hoàng Văn D và bị cáo Nguyễn Văn C đã có hành vi

liều lĩnh táo bạo dùng dao đe dọa và chém bị hại để thực hiện hành vi cướp tài sản trong hai ngày liên tiếp với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “phạm tội nhiều lần”. Về nhân thân: Bị cáo Hoàng Văn D bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 01 năm 02 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản” với tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự nên cần áp dụng mức hình phạt cao hơn mức hình phạt theo đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B mới có tác dụng giáo dục, cải tạo các bị cáo và phòng ngừa chung.

[12] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo D và bị cáo C không có công ăn việc làm ổn định, do vậy không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo D và bị cáo C.

[13] Về vật chứng:

[13.1] Đối với 01 (một) con dao tự chế, chiều dài 64cm, dài 22cm được quấn băng dính màu đen, lưỡi dao cong nhọn dài 42cm, trên lưỡi dao có 3 lỗ tròn, bản rộng nhất lưỡi dao là 4,7cm, phần lưỡi dao có vỏ bọc bằng bìa cát tông được quấn băng dính màu đen bị cáo sử dụng vào việc cướp tài sản cần tịch thu tiêu hủy phù hợp với quy định điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự, điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[13.2] Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu YamahaTaurus, không gắn biển kiểm soát là tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của anh Đỗ Ngọc A, sinh năm 1996, trú tại: thôn Q, xã L, huyện T, tỉnh Bắc Giang. Anh A không biết bị cáo D sử dụng xe để đi cướp tài sản. Hiện tại chiếc xe mô tô đã cũ nát và không còn giấy tờ nên anh A không có yêu cầu đề nghị được nhận lại chiếc xe. Do vậy, cần tịch thu sung quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA màu đen, số khung RLCS16S20AY124066, số máy 16S2 – 124068 không có vỏ yếm mặt nạ xe, không gắn biển kiểm soát đã qua sử dụng.

[13.3] Trả lại bị cáo Hoàng Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ đen có số IMEI 1 là 359155107416389, số IMEI 2 là 359155107416397, gắn sim số 0964.1473596 và 0867.580.176 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án phù hợp với quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

[14] Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai tại Cơ quan điều tra. Việc vắng mặt bị hại, người liên quan không ảnh hưởng đến việc xét xử cho nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt theo quy định tại Điều 292 Bộ luật tố tụng hình sự.

[15] Về án phí:

[15.1] Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQD14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Hoàng Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[15.2] Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQD14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

[16] Hội đồng xét xử tiếp tục tạm giam bị cáo Hoàng Văn D và bị cáo Nguyễn Văn C để đảm bảo thi hành án theo quy định tại khoản 1 Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Hoàng Văn D và bị cáo Nguyễn Văn C phạm tội “*Cướp tài sản*”.

2. Về hình phạt:

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g, h khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Văn D 10 (Mười) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2020.

- Căn cứ vào điểm d khoản 2 Điều 168; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 17, Điều 58, Điều 38 Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn C 09 (Chín) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 13/5/2020.

Miễn hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Hoàng Văn D và bị cáo Nguyễn Văn C.

3. Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 579, Điều 580 Bộ luật Dân sự. Buộc bị cáo Hoàng Văn D phải trả vợ chồng anh Vũ Văn H, chị Nguyễn Thị Thu H số tiền 5.000.000 đồng.

Về lãi suất chậm trả tại giai đoạn thi hành án: Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Về vật chứng: Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật hình sự. Điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy 01 (một) con dao tự chế, chiều dài 64cm, dài 22cm được quấn băng dính màu đen, lưỡi dao cong nhọn dài 42cm, trên lưỡi dao có 3 lỗ tròn, bản rộng nhất lưỡi dao là 4,7cm, phần lưỡi dao có vỏ bọc bằng bìa cát tông được quấn băng dính màu đen.

- Tịch thu súng quỹ nhà nước 01 xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Taurus màu đen, số khung RLCS16S20AY124066, số máy 16S2 – 124068 không có vỏ yếm mặt nạ xe, không gắn biển kiểm soát đã qua sử dụng.

Trả lại bị cáo Hoàng Văn D 01 điện thoại di động nhãn hiệu ITEL màu đỏ đen có số IMEI 1 là 359155107416389, số IMEI 2 là 359155107416397, gắn sim số 0964.1473596 và 0867.580.176 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

5. Về án phí:

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a, c khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQD14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Hoàng Văn D phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQD14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Bị cáo Nguyễn Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Căn cứ vào Điều 331, Điều 333 của Bộ luật Tố tụng hình sự: Bị cáo, bị hại có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án theo quy định pháp luật.

7. Hướng dẫn thi hành án dân sự: Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND thành phố B;
- Công an thành phố B;
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- Chi cục THADS TP Bắc Giang;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

Đinh Thị Thu Hà